TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2023/HC-PT
Ngày: 23/02/2023
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường
Các Thẩm phán: Ông Vũ Thanh Liêm
Ông Đặng Kim Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 271/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 122/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 698/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: TDP 12, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Quang H, sinh năm 1981; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T – Phó Chủ tịch UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: Ông Phạm Văn T – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ:, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện: Ông Phạm Văn T – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Song T; địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Gia đình bà T chỉ có một căn nhà duy nhất để ở tại tổ dân phố 12, phường T, nay nhà nước thu hồi 1.106,3m^2 đất và giải tỏa toàn bộ nhà ở của bà thì gia đình bà không còn nhà ở, đất ở nào khác sau khi nhà nước thu hồi đất. Theo quy định tại điểm 3, khoản 1, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk có nêu rõ: *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất"*. Căn cứ vào quy định nêu trên thì gia đình bà T thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở khi nhà nước thu hồi đất nên có đủ điều kiện được nhà nước xem xét bố trí một thửa đất tái định cư cho gia đình bà. Tuy nhiên, tại Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B không bố trí tái định cư cho gia đình bà là chưa chấp hành đúng với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà. Do đó, bà T nhiều lần có làm đơn kiến nghị gửi đến UBND thành phố B để được xem xét giao đất tái định cư, đến ngày 25/08/2021 bà nhận được Công văn số 205/CV-TTPTQĐ về việc trả lời đơn của bà Trần Thị T với nội dung: Ngày 13/4/2021, UBND phường T đã có Công văn số 89/UBND-CV về việc phúc đáp Công văn số 129/CV-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất. UBND phường khẳng định hộ bà Trần thị T có đăng ký tại liên gia 9, TDP 12, phường T nhưng không sống tại vị trí đất thu hồi. Do đó, hộ bà Trần Thị T không đủ điều kiện được giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm 3, khoản

1 Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk *"Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở (kể cả trường hợp xây dựng gắn liền đất nông nghiệp, đất nhận khoán, đất nhận liên kết, đất lấn, chiếm của các công ty nông, lâm nghiệp) nếu tại thời điểm thông báo thu hồi đất không có nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn huyện, thị xã, thành phố nơi có đất bị thu hồi thì được xem xét giao một thửa đất ở làm nhà ở có thu tiền sử dụng đất"*.

Việc UBND phường T khẳng định bà không sinh sống ở vị trí đất thu hồi là hoàn toàn không đúng với thực tế và hoàn cảnh của bà bởi vì từ khi bà đăng ký tạm trú tại phường thì bà T đã ở ổn định cho đến khi nhà nước thu hồi đất. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố căn cứ vào Công văn số 89/UBND ngày 13/04/2021 của UBND phường T để xác định gia đình bà T không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình bà. Bà T không đồng ý với Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/08/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B nên đến ngày 11/05/2022 bà tiếp tục có đơn khiếu nại gửi UBND thành phố B đề nghị UBND thành phố B xem xét bố trí tái định cư cho gia đình bà và trả lời bằng văn bản cho bà được biết. Đến ngày 20/05/2022 bà nhận được công văn 1744/UBND-CV ngày 20/05/2022 của UBND thành phố B với nội dung là giao đơn của bà cho Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố B chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra xem xét giải quyết. Ngày 03/06/2022 bà nhận được Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/05/2022 với nội dung khẳng định gia đình bà không đủ điều kiện để được bố trí tái định cư.

Về hỗ trợ tài sản trên đất:

Về nhà cửa, vật kiến trúc: UBND thành phố B không thực hiện hỗ trợ tài sản trên đất cho bà là chưa chấp hành đúng với quy định tại điểm 4, khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà.

Về cây trồng: UBND thành phố B không thực hiện bồi thường đối với cây trồng trên đất vì lí do cây trồng được trồng sau khi có Quyết định thu hồi đất số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, Quyết định số 450/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk không thông báo cho các hộ dân được biết và cũng không niêm yết tại UBND phường T nên bà T không được biết và vẫn canh tác trên đất cho đến khi nhà nước thu hồi đất của bà; do vậy UBND thành phố B phải bồi thường, hỗ trợ cây theo đúng với quy định tại điểm 5, khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-ngày 19/12/2019 của UBND Tỉnh Đắk Lắk.

Về các chính sách hỗ trợ:

Đất của bà T sử dụng có nguồn gốc đất liên kết nhưng UBND thành phố không thực hiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm là thiếu sót theo quy định của pháp luật tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định liên

quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi.

Nên nay Tôi đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12, phường T, thành phố B; hủy Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/08/2021 và Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/05/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B; và buộc UBND Tp B bố trí cho bà T một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại trên đất; hỗ trợ tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi của bà cho đúng theo quy định của pháp luật.

**** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:***

Căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thu hồi 173 ha đất tại địa bàn thành phố B của Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su X (sau đây gọi tắt là Nông trường X) giao cho UBND thành phố B quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật;

- Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đất tại phía Bắc, Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Căn cứ Quyết định số 2258/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng (CSHT) khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy Bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

- Căn cứ Quyết định số 7146/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của UBND thành phố B về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy Bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

- Căn cứ Quyết định số 3892/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công – dự toán xây dựng Công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy Bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

- Căn cứ Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; ủy quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Về nội dung khởi kiện:

+ Về đơn giá bồi thường:

Về đất: Bà Trần Thị T sử dụng đất có nguồn gốc đất Nhà nước giao cho Công ty cao su Đắk Lắk – Nông trường cao su X (nay là Chi nhánh Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk – Nông trường X) quản lý và sử dụng. Năm 1988, Nông trường X ký hợp đồng liên kết trồng cà phê giao đất nhưng không đầu tư về vốn

với ông Trương Đình D theo hợp đồng 58/HĐLK có thời hạn đến hết năm 2008 với diện tích đất 1.000m^2. Đến ngày 12/02/2014 bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của ông Trương Đình D bằng giấy viết tay không thông qua Nông trường X. Về đất đã được UBND tỉnh thu hồi và giao cho UBND thành phố B quản lý tại Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 04/3/2014 nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo khoản 2 Điều 82 Luật đất đai năm 2013.

Về nhà và vật kiến trúc:

- Đối với nhà không phục vụ sinh hoạt cho hộ gia đình, cá nhân mà tại thời điểm bắt đầu tạo lập không có biện pháp ngăn chặn, đình chỉ hoặc yêu cầu tháo dỡ tài sản đã tạo lập bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, đề nghị tính hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo chất lượng còn lại đối với nhà và công trình khác được xác định xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% giá trị bồi thường theo chất lượng còn lại đối với nhà và công trình khác được xác định xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 và hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng sau ngày 01/7/2014 đến ngày có thông báo thu hồi đất (căn cứ theo Điều 13 và Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Đối với tài sản không phục vụ sinh hoạt cho hộ gia đình, cá nhân mà tại thời điểm bắt đầu tạo lập không có biện pháp ngăn chặn, đình chỉ hoặc yêu cầu tháo dỡ tài sản đã tạo lập bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, đề nghị tính hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo chất lượng còn lại đối với nhà và công trình khác được xác định xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ 60% giá trị bồi thường theo chất lượng còn lại đối với nhà và công trình khác được xác định xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014; hỗ trợ 30% đối với trường hợp xây dựng từ ngày 01/7/2014 đến trước ngày có thông báo thu hồi đất, tài sản xây dựng sau thông báo thu hồi đất thì không bồi thường, hỗ trợ (căn cứ theo Điều 13 và Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 và khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 16/03/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về giá xây dựng mới nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Về nhà, vật kiến trúc bà Trần Thị T tạo lập sau khi có Quyết định số 450/QĐ-UBND, ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk và biên bản làm việc ngày 17/3/2020.

Về cây cối hoa màu:

Căn cứ khoản 9, Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc sửa đổi bổ sung một số quy định

liên quan đến bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; sửa đổi bổ sung điều 23 như sau: "Điều 23, Hỗ trợ khác ... 5. Cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau: a) Thời điểm sử dụng đất trước ngày 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 100% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. b) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/07/2014 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành. c) Thời điểm sử dụng đất từ ngày 01/07/2014 đến trước khi có thông báo thu hồi đất thì cây trồng được hỗ trợ bằng 30% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành". Sau thông báo thu hồi đất thì không được bồi thường, hỗ trợ.

Đơn giá áp dụng theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 30/01/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Về cây cối hoa màu bà Trần Thị T trồng sau khi có Quyết định số 450/QĐ-UBND, ngày 04/3/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk và biên bản kiểm kê ngày 01/11/2019.

+ Về tái định cư:

- Theo Công văn số 89/UBND-CV ngày 13/4/2021 của UBND phường T về việc phúc đáp Công văn số 129/CV-TTPTQĐ ngày 01/4/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B thì bà Trần Thị T đăng ký tạm trú tại Liên gia 9, tổ dân phố 12, phường T nhưng không sinh sống trên thửa đất thu hồi và biên bản xác minh ngày 15/5/2020. UBND thành phố B đã thực hiện đúng quy trình, đúng Luật đất đai số 45/QH13 ngày 29/11/2013 khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Xây dựng CSHT khu dân cư Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B (bên cạnh Nhà máy Bia và Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh, 6ha);

Từ những căn cứ trên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị T.

**** Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường T trình bày:***

Năm 1988, Nông trường cao su 30/04 ký hợp đồng liên kết trồng cà phê, giao đất nhưng không đầu tư về vốn với ông Trương Đình D theo hợp đồng 58/HĐLK, có thời hạn hết năm 2008 với diện tích 1.000m^2. Đến ngày 12/02/2014, bà Trần Thị T nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích của ông Trần Đình D bằng giấy viết tay không thông qua nông trường; Từ năm 2014 đến khi có quyết định thu hồi đất, trên đất bà T làm và sử dụng vào mục đích làm vườn ươm cây giống. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 122/2022/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 67, Điều 76, Điều 92 Luật đất đai;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12 phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải lập phương án bồi thường cho bà Trần Thị T đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về các nội dung:

- Hủy Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/8/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Hủy Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/5/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bố trí cho bà Trần Thị T lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị T đối với những tài sản tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11 tháng 10 năm 2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo với nội dung: kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vì người khởi kiện và người bị kiện có kháng cáo có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Về nội dung, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật, kháng cáo của người bị kiện không có cơ sở, đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và xem xét quan điểm của Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Ông Lê Đại T, Phó chủ tịch UBND thành phố B, là người đại diện theo uỷ quyền của Người bị kiện có kháng cáo, có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện về đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện, thấy rằng: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết các nội dung sau:

Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12 phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Hủy Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/8/2021 và Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/5/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B; Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bố trí cho bà Trần Thị T lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất; Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại trên đất và hỗ trợ tài sản trên đất cho bà Trần Thị T.

[3]. Về nội dung, thấy rằng: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên huỷ một phần quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, huỷ Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/8/2021 và Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/5/2022 và buộc UBND thành phố B bố trí cho bà T một lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại trên đất; hỗ trợ tài sản gắn liền trên đất bị thu hồi của bà cho đúng quy định của pháp luật. Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét cân nhắc và đối chiếu với quy định của pháp luật, xử bác một phần yêu cầu của người khởi kiện về yêu cầu huỷ Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/8/2021 và Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/5/2022 và bác yêu cầu: (1) Về yêu cầu buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bố trí cho bà Trần Thị T lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất; (2) Về yêu cầu buộc UBND thành phố B hỗ trợ tài sản trên đất, là

đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện không kháng cáo.

[4]. Xem xét các nội dung mà Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, phía người bị kiện có kháng cáo, thấy rằng: Về yêu cầu buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà Trần Thị T, xét thấy:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai:

"Điều 4: Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

...

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều 19 của Nghị định này khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều 19 của Nghị định này (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm ..."

Thấy rằng, năm 1994 Nông trường X ký hợp đồng liên kết với ông Trương Đình D tại hợp đồng liên kết sản xuất cà phê số 58/HĐLK. Ngày 12/02/2014 ông Trương Đình D đã chuyển nhượng cho bà Trần Thị T diện tích đất đã nhận liên kết với Nông trường X, nên bà T được kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông D đối với thửa đất nhận liên kết. Vì bà T thuộc trường hợp là cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại điểm d Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP nên khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Như vậy Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B không xem xét hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà T là không đúng quy định.

[5]. Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất:

"Điều 19. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất:

...

2. Điều kiện để được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất thực hiện theo quy định sau đây:

b) Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này thì phải có hợp đồng giao khoán sử dụng đất".

Như đã nhận định ở trên, bà T được kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của người ký hợp đồng liên kết đối với thửa đất nhận liên kết. Vì vậy Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B không xem xét hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho bà T là không đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về chi phí đầu tư còn lại trên đất: Theo Điều 76 Luật đất đai quy định:

"Điều 76. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

1. Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:

...

đ) Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối."

Như đã nhận định ở trên, bà T được kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của người ký hợp đồng liên kết đối với thửa đất nhận liên kết, nên được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Từ những nhận định trên, thấy rằng: Toà án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc UBND thành phố B phải lập phương án bồi thường cho bà Trần Thị T đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đúng quy định pháp luật, là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của người bị kiện về đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm hành chính: Do kháng cáo không được chấp nhận nên UBND thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính:

[1]. Bác kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 67, Điều 76, Điều 92 Luật đất đai;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/02/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh tại các Quyết định của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Hủy một phần Quyết định số 5426/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư tổ dân phố 12 phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phải lập phương án bồi thường cho bà Trần Thị T đối với khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về các nội dung:

- Hủy Công văn số 205/CV-TTPTQĐ ngày 25/8/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Hủy Công văn số 90/CV-TTPTQĐ ngày 30/5/2022 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B về việc trả lời đơn của bà Trần Thị T, địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường T, thành phố B;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bố trí cho bà Trần Thị T lô đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất;

- Buộc UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk hỗ trợ tài sản trên đất cho bà Nguyễn Thị T đối với những tài sản tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất.

[2]. Về án phí phúc thẩm hành chính:

Buộc UBND thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm số AA/2021/0022456 ngày 13/10/2022 (do ông Lưu Tuấn Duy nộp thay ông Lê Đại T) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường